

BÁO CÁO
Về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Nam
giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021

Kính gửi: UBND tỉnh

Triển khai thực hiện Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật nhà ở; Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030 với các nội dung chủ yếu sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Tại Điều 169 Luật Nhà ở 2014, quy định “UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua”. Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 xác định: “Xây dựng và đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở, đặc biệt là chỉ tiêu phát triển nhà ở vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội trong từng thời kỳ và hàng năm của địa phương và tổ chức triển khai thực hiện”; đồng thời yêu cầu UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: “tổ chức chỉ đạo phát triển nhà ở trên địa bàn theo quy định của pháp luật về nhà ở; xây dựng, điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020; tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở năm 2014 “trước thời hạn 06 tháng khi hết giai đoạn thực hiện chương trình phát triển nhà ở, UBND tỉnh tổ chức xây dựng chương trình phát triển nhà ở mới để trình HĐND tỉnh thông qua”.

2. Mục đích yêu cầu và sự cần thiết của việc ban hành văn bản

Để đáp ứng nhu cầu quản lý Nhà nước về nhà ở; đồng thời nhằm xã hội hóa, khuyến khích các nhà đầu tư tham gia xây dựng nhà ở, đặc biệt là nhà ở cho

các đối tượng xã hội; cũng như tạo điều kiện thuận lợi trong đầu tư, thực thi pháp luật về xây dựng nhà ở theo đúng quy định; UBND tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng tổ chức xây dựng chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030 tại văn bản số 6384/UBND-KTN ngày 30/10/2020, đây là nhiệm vụ là cần thiết và cấp bách.

3. Kết quả thực hiện việc xây dựng Chương trình

Sở Xây dựng được giao nhiệm vụ xây dựng Chương trình nhà ở tại văn bản số 6384/UBND-KTN ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh.

Quá trình xây dựng chương trình Sở Xây dựng đã tổ chức thu thập dữ liệu, số liệu từ các ngành, địa phương, các nguồn tài liệu chính thức khác; Sở Xây dựng đã gửi dự thảo lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương, thông qua báo cáo UBND tỉnh ngày 01/4/2021 xem xét, thông qua và chỉ đạo thực hiện.

Đến nay, hồ sơ Chương trình phát triển nhà ở cơ bản đã được thực hiện hoàn chỉnh theo quy định và đã được Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định tại văn bản số 402/STP-XDKTVBQPPL&TDTHPL ngày 06/4/2021.

II. Tiếp thu, giải trình ý kiến các ngành, địa phương liên quan

(Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến kèm theo)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi, mục tiêu nghiên cứu

Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030 nhằm dự báo nhu cầu, phương hướng, giải pháp phát triển nhà ở cho các đối tượng là nhà ở người dân tự xây dựng, nhà ở thương mại, nhà ở tái định cư và nhà ở cho nhóm các đối tượng xã hội trên địa bàn tỉnh từng giai đoạn.

2. Định hướng phát triển nhà ở

a) Vùng đồng bằng, ven biển (vùng phía Đông):

- Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, tăng tỷ trọng nhà ở cho thuê, nhà ở giá rẻ, nhà ở xã hội để phục vụ lao động đa ngành nghề đến làm việc;

- Phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp Quy hoạch chung theo hướng đô thị văn minh hiện đại, có bản sắc.

- Khuyến khích phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp;

- Tăng tỷ lệ nhà ở xây dựng thô trong tổng quy mô các dự án phát triển nhà ở mới hàng năm.

b) Vùng trung du, miền núi (vùng phía Tây):

- Phát triển nhà ở tại khu vực thị trấn, trung tâm huyện đảm bảo phù hợp Quy hoạch xây dựng theo hướng đô thị gắn với thương mại-dịch vụ; phát triển

nhà ở theo hướng văn minh hiện đại, có bản sắc, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu;

- Phát triển nhà ở khu vực nông thôn đảm bảo nhà ở đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới: nền, khung, mái cứng; các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại, chăn nuôi, ...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh; kiến trúc phù hợp phong tục, tập quán, lối sống của mỗi vùng;

Phát triển nhà ở phù hợp với tổ chức dân cư theo mô hình tập trung tại trung tâm xã và gắn với hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh. Hạn chế chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án phân lô bán nền (nhỏ lẻ).

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Đầu tư phát triển, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng nhà ở, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tổng diện tích nhà ở khoảng 44,7 triệu m² sàn (diện tích tăng thêm giai đoạn 2021-2025 khoảng 6.389.245).
- Diện tích sàn bình quân đầu người là 28.93 m²/người, trong đó tại đô thị đạt 32,18 m²/người và tại nông thôn đạt 27,79 m²/người.
- Diện tích nhà ở tối thiểu 10 m² sàn/người.
- Chất lượng nhà ở: Tỷ lệ nhà ở kiên cố và nhà ở bán kiên cố khoảng 97,5%, giảm tỷ lệ nhà thiếu kiên cố và không phát sinh nhà đơn sơ.

c) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổng diện tích nhà ở khoảng 52,9 triệu m² sàn (diện tích tăng thêm giai đoạn 2021-2025 khoảng 8.149.204).
- Diện tích sàn bình quân đầu người là 33.23 m²/người, trong đó tại đô thị đạt 36,35 m²/người và tại nông thôn đạt 32,11 m²/người.
- Diện tích nhà ở tối thiểu 12 m² sàn/người.
- Chất lượng nhà ở: Tỷ lệ nhà ở kiên cố và nhà ở bán kiên cố khoảng 99,2%, giảm tỷ lệ nhà thiếu kiên cố và không phát sinh nhà đơn sơ.

4. Kế hoạch phát triển nhà ở và nhu cầu đất ở đến năm 2025, 2030

a) Kế hoạch phát triển nhà ở thương mại, dân tự xây

Stt	Chi tiêu	Nhu cầu nhà ở tăng thêm giai đoạn 2021-2025 (m ² sàn)	Nhu cầu nhà ở tăng thêm giai đoạn 2025-2030 (m ² sàn)
a	Nhà ở thương mại	5.855.161	7.403.728
b	Nhà ở do người dân tự đầu tư xây dựng	1.067.774	1.493.050

b) Kế hoạch phát triển nhà ở cho các đối tượng khác

Stt	Chi tiêu	Nhu cầu nhà ở tăng thêm giai đoạn 2021-2025 (m ² sàn)	Nhu cầu nhà ở tăng thêm giai đoạn 2025-2030 (m ² sàn)
a	Nhà ở người có thu nhập thấp khu vực đô thị	299.967	19.058
b	Nhà ở công nhân	445.494	331.909
c	Nhà tái định cư	548.818	676.344

c) Nhu cầu đất ở đến năm 2025, 2030

Trong giai đoạn 2021 - 2025, nhu cầu đất ở toàn tỉnh khoảng 1.815ha, giai đoạn 2026 - 2030, nhu cầu đất ở toàn tỉnh khoảng 2.162ha. Diện tích đất dự phòng phát triển nhà ở thương mại đến 2025 (20%, khoảng 209,1ha), đến 2030 (20%, khoảng 264,4ha). Trong quá trình thực hiện, kết hợp với nhu cầu đất hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để hình thành các dự án cụ thể. Trong đó:

Stt	Chi tiêu	Nhu cầu đất ở tăng thêm giai đoạn 2021-2025 (ha)	Nhu cầu đất ở tăng thêm giai đoạn 2025-2030 (ha)
1	Nhà ở thương mại, dân tự xây		
a	Nhà ở thương mại	1.254,7	1.586,5
b	Nhà ở do người dân tự đầu tư xây dựng	381,3	533,2
2	Nhà ở các đối tượng khác		
a	Nhà ở người có thu nhập thấp khu vực đô thị	122,5	7,9
b	Nhà ở công nhân	88,0	62,2
c	Nhà tái định cư	177,9	236,7

5. Nhu cầu nguồn vốn đầu tư

Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà ở giai đoạn 2021-2030 dự kiến khoảng 43.068 tỷ đồng, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác, như sau.

Stt	Loại nhà	Cơ cấu nguồn vốn đến 2025		Cơ cấu nguồn vốn đến 2025	
		Ngân sách	Doanh nghiệp	Ngân sách	Doanh nghiệp

1	Nhà ở thương mại	0	15.259	0	19.294
2	Nhà ở cho người thu nhập thấp, công nhân	506,8	3.466,6	168,6	1.153,2
3	Nhà ở tái định cư	1.382,1	0	1.838,4	0

6. Các nhóm giải pháp cụ thể

- a) Hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách
- b) Giải pháp về đất ở
- c) Giải pháp về kiến trúc quy hoạch
- d) Giải pháp về phát triển thị trường nhà ở và quản lý sử dụng nhà ở
- e) Giải pháp về công nghệ
- f) Sử dụng nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước để phát triển nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật có liên quan
- g) Giải pháp cải cách thủ tục hành chính
- h) Giải pháp nhà ở cho các đối tượng xã hội
- i) Giải pháp tuyên truyền, vận động
- j) Giải pháp phát triển nhà ở thích ứng với tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

IV. Dự kiến Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021

1. Kế hoạch phát triển nhà ở đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 (Quyết định 147). Trong giai đoạn vừa qua, do nhiều lý do việc triển khai thực hiện các danh mục trong kế hoạch phát triển nhà ở khu vực đô thị chưa đạt yêu cầu. Đến quý IV/2020, Sở Xây dựng phối hợp với các ngành, địa phương báo cáo UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư 46 dự án khu dân cư, khu đô thị, làm cơ sở lập danh mục kế hoạch sử dụng đất và danh mục dự án sử dụng đất tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (các dự án trong danh mục theo Quyết định 147).

Để có cơ sở thực hiện thủ tục đầu tư dự án nhà ở trong khi Kế hoạch phát triển nhà ở đã kết thúc và trong điều kiện chưa phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở; kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, xin ý kiến HĐND tỉnh cho ý kiến về nội dung Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030 làm cơ sở hoàn thiện Chương trình trình HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp đầu tiên nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua. Đồng thời cho phép thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 cho một số dự án đầu tư xây dựng nhà ở như sau:

- a) Tiếp tục thực hiện đối với các dự án thuộc danh mục trong kế hoạch phát triển nhà ở được duyệt tại Quyết định 147 gồm các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư (bao gồm 46 dự án đã thực hiện thủ tục chấp

thuận chủ trương đầu tư đang trình UBND tỉnh phê duyệt; và các dự án khác (gồm 27 dự án) UBND tỉnh đã cho chủ trương thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư).

b) Các dự án khác:

+ Các dự án cần xúc tiến đầu tư, thực hiện trong năm 2021 do địa phương đề xuất triển khai khi chưa có Chương trình, Kế hoạch mới. Các dự án này đã có chủ trương của UBND tỉnh thực hiện thủ tục đầu tư (gồm 14 dự án theo danh mục kèm theo).

+ Các dự án tại các địa phương miền núi, khu vực nông thôn cần triển khai sớm để phát triển đô thị, kinh tế xã hội địa phương (09 danh mục dự án kèm theo).

Về chỉ tiêu kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh thông qua kỳ này, Sở Xây dựng đã xem xét, tính toán đảm bảo chỉ tiêu trong Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030, trong đó:

Chỉ tiêu đất ở thương mại tính toán trong Chương trình đến năm 2030	Dự án đang triển khai đến nay	Dự án chuyển tiếp trong Kế hoạch QĐ147 (trước đây)
- Diện tích đất ở thương mại đến năm 2025 khoảng 1.254,7ha;	- Đất dự án 2.077ha; đất ở khoảng 924ha. - Dự kiến hoàn thành đến năm 2025 khoảng 369,6ha (khoảng 40%); dự kiến hoàn thành đến 2030 khoảng 277,2ha (khoảng 30%). Còn lại sau năm 2030.	- Đất dự án khoảng 4.329ha (trong đó đất ở khoảng 30% tương đương 1.299ha). - Dự kiến hoàn thành đến năm 2025 khoảng 20%, tương đương 259,8ha; đến năm 2030 khoảng 30% tương đương 389,7ha. Còn lại sau năm 2030.
	- Diện tích đất ở đến 2025: các dự án đang triển khai và chuyển tiếp QĐ147: 629,4ha. Các dự án ngoài danh mục QĐ147 UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện: 285ha. Tổng cộng: 914,4ha.	

Trên cơ sở danh mục dự án trong Kế hoạch phát triển nhà ở; địa phương soát xét sự phù hợp nội dung liên quan về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, phát triển kinh tế xã hội của địa phương; đề xuất UBND tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, lập danh mục kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật.

2. Sau khi HĐND tỉnh thông qua Chương trình phát triển nhà ở (dự kiến tháng 7/2021 tại kỳ họp đầu tiên HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026); UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở; Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở hằng năm và 05 năm, làm cơ sở thực hiện chương trình và dự án đầu tư.

V. Kiến nghị:

- Theo quy định pháp luật nhà ở, Chương trình phát triển nhà ở được lập cho từng thời kỳ phát triển nhà ở, UBND tỉnh chỉ đạo lập Chương trình và thông qua HĐND tỉnh trước khi phê duyệt. Sau khi Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt, UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm làm cơ sở thực hiện chương trình và các dự án đầu tư xây dựng nhà ở cụ thể.

Tuy nhiên, để có cơ sở triển khai các dự án phát triển nhà ở trong năm 2021, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 1101/UBND-KTN ngày 04/3/2021 và chủ trương của UBND tỉnh tại cuộc họp với các thành viên UBND tỉnh, các ngành liên quan về việc thông qua các đề án trình kỳ họp thứ 23 HĐND tỉnh khóa IX. Trong đó:

UBND tỉnh có chủ trương báo cáo HĐND cho ý kiến về nội dung Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030; làm cơ sở hoàn thiện, tổng hợp, bổ sung trình HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong kỳ họp đầu tiên. Đồng thời cho phép thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 nhằm xúc tiến các dự án đầu tư.

Sở Xây dựng kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, báo cáo HĐND tỉnh cho ý kiến về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021, làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Sở Xây dựng kính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;

GIÁM ĐỐC

E:\KHUONG\BAO CAO\BAO CÁO 2021\Bao cao SXD, thông qua chương trình nhà ở, file úp.docx)

- Lưu: VT.



BẢNG TỔNG HỢP
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Báo cáo số 72/BC-SXD ngày 06/4/2021 của Sở Xây dựng)

Stt	Ý kiến các ngành, địa phương	Giải trình, tiếp thu ý kiến
1	Sở Tài chính tại văn bản số 726/STC-ĐT ngày 30/3/2021: danh mục dự án kèm theo loại bỏ những dự án đã nghiệm thu quyết toán; điều chỉnh trách nhiệm Sở Tài chính; bổ sung trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND cấp huyện trong việc thực hiện dự án khai thác quỹ đất theo đầu tư công.	Tiếp thu và bổ sung hoàn thiện
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 511/SKHĐT-QHTH ngày 31/3/2021: Chương trình phát triển nhà ở cần có tầm nhìn chiến lược đến tương lai (đến 2045, đến 2050); bổ sung quỹ đất tái định cư, nhà ở xã hội; đối với các địa phương không phải loại 3 trong quy hoạch cũng nên dành quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội nhằm phát triển đô thị trong tương lai; dự kiến nguồn vốn phát triển nhà ở giai đoạn đến; điều chỉnh trách nhiệm tại mục tổ chức thực hiện thuộc trách nhiệm Sở Kế hoạch và Đầu tư.	+ Chương trình phát triển nhà ở được lập cho một giai đoạn và thực hiện theo Luật Nhà ở và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia. Hiện nay chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã hết và Chính phủ đang lập chiến lược phát triển nhà ở cho giai đoạn mới. Sau khi có chiến lược phát triển nhà ở giai đoạn mới được phê duyệt, chương trình phát triển nhà ở sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp (nếu có). + Việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội được tính toán cho các đô thị loại II, Loại III và dự kiến cho đô thị loại IV và đô thị dự kiến lên đô thị loại IV. + Các nội dung liên quan khác: tiếp thu hoàn chỉnh các nội dung theo góp ý.
3	Cục Thống kê tại văn bản số 203/CTK-TH ngày 30/3/2021: hiệu chỉnh các số liệu theo niên giám thống kê	Tiếp thu hoàn thiện theo nội dung góp ý
4	UBND huyện Bắc Trà My tại văn bản số 1150/UBND-KTTH ngày 31/3/2021:	Danh mục dự án phát triển nhà ở được thực hiện tại bước lập, phê

Stt	Ý kiến các ngành, địa phương	Giải trình, tiếp thu ý kiến
	thống nhất nội dung dự thảo, bổ sung danh mục dự án	duyet Kế hoạch phát triển nhà ở
5	UBND thị xã Điện Bàn tại văn bản số 61/QLĐT ngày 30/3/2021: Thống nhất nội dung dự thảo; bổ sung nội dung tại mục tồn tại, nguyên nhân, giải pháp.	Tiếp thu hoàn thiện theo nội dung góp ý
6	UBND huyện Duy Xuyên tại văn bản số 684/UBND-KTTH ngày 31/12/2020: nâng mức dự báo về nhu cầu nhà ở của Duy Xuyên; giải pháp về phát triển nhà ở xã hội; điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án nhà ở.	+ Tiếp thu hoàn thiện theo nội dung góp ý. + Danh mục dự án phát triển nhà ở được thực hiện tại bước lập, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở. + Chỉ tiêu về nhà ở xã hội đã tính toán cho nhu cầu các đô thị quy hoạch lên đô thị loại IV.
7	UBND huyện Nam Trà My tại văn bản số 12/KTHT ngày 25/3/2021: hiệu chỉnh về số liệu hiện trạng nhà ở của huyện (xã Trà Mai công nhận đô thị loại 5 vào tháng 12/2019); bổ sung danh mục dự án nhà ở.	+ Danh mục dự án phát triển nhà ở được thực hiện tại bước lập, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở. + Số liệu hiện trạng nhà ở số liệu niên giám thống kê tại thời điểm 01/4/2019.
8	UBND huyện Phước Sơn tại văn bản số 21/CV-TNMT ngày 30/3/2021: thống nhất nội dung chương trình	
9	UBND huyện Quế Sơn tại công văn số 279/UBND-KT ngày 26/3/2021: thống nhất nội dung dự thảo, bổ sung danh mục dự án nhà ở.	+ Danh mục dự án phát triển nhà ở được thực hiện tại bước lập, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở.
10	UBND huyện Tiên Phước tại công văn số 935/UBND-KT ngày 31/3/2021: thống nhất nội dung dự thảo, bổ sung danh mục dự án nhà ở.	+ Danh mục dự án phát triển nhà ở được thực hiện tại bước lập, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở.
11	UBND huyện Đại Lộc tại văn bản số 2232/UBND-KT&HT ngày 02/4/2021: thống nhất nội dung dự thảo.	
12	Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh và các thành viên UBND tỉnh tại	+ Tiếp thu hoàn thiện theo nội dung góp ý và ý kiến chỉ đạo.

Stt	Ý kiến các ngành, địa phương	Giải trình, tiếp thu ý kiến
	cuộc họp thông qua Chương trình phát triển nhà ở tại cuộc họp ngày 01/4/2021: cơ bản thống nhất nội dung dự thảo báo cáo; thực trạng dự án nhà ở thương mại dành quỹ đất 20% xây dựng nhà ở xã hội; thực trạng dự án nhà ở thương mại hiện nay; đầu tư dự án nhà ở xã hội từ tiền thu được từ quỹ đất 20%; trình xin ý kiến kỳ họp thứ 23 về nội dung chương trình nhà ở và kế hoạch nhà ở năm 2021 để giải quyết các dự án bức xúc, dự án trong Quyết định 147/QĐ-UBND (trước đây);...	+ Nhà ở xã hội: đã tính toán chỉ tiêu và diện tích đất phát triển nhà ở xã hội tại các đô thị loại II, III, IV và dự kiến đô thị lên đô thị loại IV. + Việc sử dụng nguồn tiền từ 20% quỹ đất dự án nhà ở thương mại thực hiện theo quy định pháp luật về nhà ở xã hội và pháp luật liên quan. + Các quỹ đất nhà ở xã hội từ dự án nhà ở thương mại trường hợp bàn giao cho địa phương thì phải giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo pháp luật về nhà ở xã hội. + Về thực trạng nhà ở: đã được đánh giá đầu vào theo các dữ liệu, tài liệu thu thập trong quá trình xử lý, tính toán các chỉ tiêu nhà ở. Việc tổng hợp nhu cầu nhà ở có xem xét, đánh giá các dự án đã, đang triển khai.
12	Sở Tư pháp tại văn bản số 402/STP-XDKTVBQPPL&TDTHPL ngày 06/4/2021: việc tham mưu ban hành Nghị quyết là cần thiết; tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết; đây là nghị quyết cá biệt quy định trực tiếp nên chuyển trực tiếp nội dung chủ yếu của chương trình vào dự thảo Nghị quyết (không theo hình thức đính kèm); hiệu chỉnh thể thức trình bày, căn cứ, nơi nhận, hiệu lực thi hành.	+ Tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết: Sở Xây dựng đã xây dựng chương trình, trong đó có đánh giá những tồn tại hạn chế, kết quả đạt được của chương trình, đã gửi lấy ý kiến các ngành, địa phương và báo cáo UBND tỉnh tại cuộc họp. Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét nội dung này. + Tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, Quyết định theo ý kiến Sở Tư pháp.

Danh mục các dự án thuộc Quyết định 147 đang trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư

(Kèm theo Báo cáo số...7.2.../BC-SXD ngày...0.6/4/2021)

Stt	Tên dự án	Diện tích (ha)	Diện tích đất ở bình quân (ha)	Địa điểm	Ghi chú
	Tổng cộng	659.4	263.7		
	Huyện Đại Lộc	163.85			
1	Khu đô thị phía Đông thị trấn Ái Nghĩa	32.8		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
2	Khu dân cư khu 5 thị trấn Ái Nghĩa	42.27		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
3	Khu đô thị Nam thị trấn Ái Nghĩa (Khu T12 và mở rộng)	13.18		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
4	Khu đô thị phía Tây sông Vu Gia	12.3		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
5	Khu dân cư Trung An, thị trấn Ái Nghĩa	13.4		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
6	Khu dân cư phía Tây thị trấn Ái Nghĩa	49.9		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
	Huyện Thăng Bình	123.41			
7	Khu đô thị mới Tây đường ven biển Bình Dương	14.1		xã Bình Dương, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
8	Khu đô thị mới Tây Bắc Bình Minh	25.2		xã Bình Minh, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
9	Khu dân cư Trà Đóa 1, xã Bình Đào	10.03		xã Bình Đào, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
10	Khu dân cư nông thôn mới-chợ xã Bình Phục	13.9		xã Bình Phục, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
11	Khu đô thị mới Tây Bình Minh, xã Bình Minh	29.4		xã Bình Minh, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
12	Khu đô thị mới Đông Bình Minh, xã Bình Minh	20.19		xã Bình Minh, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
13	Khu đô thị mới Đông Bắc Hà Lam, thị trấn Hà Lam	10.59		thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
	Huyện Duy Xuyên	57.37			
14	Khu dân cư Nam Cửa Đại, xã Duy Nghĩa	19.7		xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh

15	Khu dân cư Duy Phước giai đoạn 1, xã Duy Phước	9.59		xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên	CV7050/UBND-KTN ngày 01/12/2020 tỉnh
16	Khu dân cư Duy Nghĩa, xã Duy Nghĩa	9.8		xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
17	Khu dân cư Tây Khương, thị trấn Nam Phước và xã Duy Phước	3.53		thị trấn Nam Phước và xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên	TTr134/TTr-SXD ngày 29/12/2020 của SXD
18	Khu dân cư phố chợ Bàn Thạch giai đoạn 1, xã Duy Vinh	14.75		xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
	Thành phố Tam Kỳ	8.14			
19	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp tại phường Hòa Thuận 1 (An Hòa 1)	8.14		phường Hòa Thuận, Tam Kỳ	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
	Thành phố Hội An	38.3			
20	Khu dân cư Bàu Ốc Hạ, giai đoạn 1, xã Cẩm Hà	11.3		xã Cẩm Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
21	Khu dân cư Trảng Kèo giai đoạn 2, xã Cẩm Hà	27		xã Cẩm Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
	Huyện Quế Sơn	26.59			
22	Khu dân cư Đông Cầu Hương An, thị trấn Hương An	22.4		thị trấn Hương An, huyện Quế Sơn	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
23	Khu dân cư Trung tâm xã Quế Xuân 1	4.19		xã Quế Xuân 1, huyện Quế Sơn	CV7542/UBND-KTN ngày 22/12/2020 tỉnh
	Huyện Phú Ninh	9.6			
24	Khu dân cư Chồi Sừng, xã Tam Đàn	3.0		xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
25	Khu phố chợ Chợ Lò, xã Tam Thái	6.6		xã Tam Thái, huyện Phú Ninh	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
	Huyện Nông Sơn	16.74			
26	Khu phố chợ Trung Phước, xã Quế Trung	9.85		xã Quế Trung, huyện Nông Sơn	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
27	Khu dân cư Bắc Bàu Sen	6.89		xã Quế Trung, huyện Nông Sơn	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh
	Thị xã Điện Bàn	215.37			
28	Khu dân cư trung tâm hành chính Điện Phước, xã Điện Phước	13.78		xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
29	Khu dân cư thương mại ẩm thực Giáp Ba, phường Vĩnh Điện	4.05		phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh

30	Khu dân cư Phong Thử 2, xã Điện Thọ	4.39		xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
31	Khu dân cư Hà Đông, xã Điện Hòa	8.24		xã Điện Hòa, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
32	Khu dân cư đô thị số 3, phường Điện An	5.01		phường Điện An, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
33	Khu dân cư khối 6 mở rộng, phường Vĩnh Điện	19.38		phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
34	Khu dân cư đô thị Điện Thắng Trung giai đoạn 1	5.34		xã Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
35	Khu dân cư Phúc Thành, xã Điện Thắng Trung	8.5		xã Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
36	Khu đô thị ven sông Cỏ Cò, phường Điện Dương	7.18		phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
37	Khu dân cư Trung tâm hành chính Điện Phương	16.29		xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
38	Khu dân cư Bồ Bồ, xã Điện Tiến	18.47		xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
39	Khu dân cư Bình Long, xã Điện Phước	6.7		xã Điện Phước, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
40	Khu dân cư đô thị Điện Thắng Bắc, giai đoạn 1	20.06		xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
41	Khu dân cư đô thị Hà My Trung 1, phường Điện Dương	14		phường Điện Dương, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
42	Khu dân cư phố chợ Điện Minh, xã Điện Minh	5.47		xã Điện Minh, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
43	Khu phố chợ Vĩnh Điện mở rộng, phường Điện An	9.8		phường Điện An, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
44	Khu phố mới Điện Thắng Nam giai đoạn 1, xã Điện Thắng Nam	19.8		xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
45	Khu đô thị Điện Thắng Nam giai đoạn 1, xã Điện Thắng Nam	9.45		xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh
46	Khu dân cư đô thị Tây Vĩnh Điện	19.46		phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh

Danh mục dự án thuộc Quyết định 147/QĐ-UBND đã được UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện					
(Kèm theo Báo cáo số....../BC-SXD ngày...../4/2021)					
Stt	Tên dự án	Diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở bình quân (ha)	Địa điểm	Ghi chú
	Tổng cộng	318.6	125.1		
I	Huyện Duy Xuyên	14.72			
1	Khu dân cư khối phố Long Xuyên 2	4.72		thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
2	Khu dân cư Nam Cửa Đại 2, xã Duy Nghĩa (Khu dân cư thương mại dịch vụ chợ Núi Rạng)	10		xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
II	Huyện Đại Lộc	73.4			
3	Khu dân cư giáo đồng	35		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV7050/UBND-KTN ngày 01/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
4	Khu đô thị Hoà An, giai đoạn 1	9.68		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
5	Khu đô thị sinh thái ven sông Vu Gia	28.7		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV7050/UBND-KTN ngày 01/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
III	Huyện Bắc Trà My	11.3			
6	Khu dân cư dọc tuyến Quốc lộ 40B	1.5		thị trấn Bắc Trà My	CV7050/UBND-KTN ngày 01/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
7	Khu dân cư phía Tây thị trấn Bắc Trà My	9.8		thị trấn Bắc Trà My	CV7050/UBND-KTN ngày 01/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
IV	Huyện Tiên Phước	11.5			
8	Khu dân cư An Trung Bình Phước	5.8		thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước	CV7542/UBND-KTN ngày 22/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
9	Khu dân cư bờ Tây sông Tiên	5.7		xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước	CV7542/UBND-KTN ngày 22/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
V	Huyện Phú Ninh	37.1			
10	Khu dân cư, thương mại Cây Xanh	10.06		xã Tam Dân, huyện Phú Ninh	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
11	Khu đô thị mới Tây Yên	17.28		xã Tam Dân, huyện Phú Ninh	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
12	Khu dân cư Vạn Long, xã Tam Dân	9.8		xã Tam Dân, huyện Phú Ninh	CV7756/UBND-KTN ngày 31/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
VI	Thành phố Tam Kỳ	10			
13	Khu dân cư và nhà ở thu nhập thấp phường Trường Xuân	9.7		phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ	CV7050/UBND-KTN ngày 01/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
VII	Thành phố Hội An	60.9			
14	Khu đô thị dịch vụ du lịch Đồng Nà	5.7		xã Cẩm Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
15	Khu đô thị Đồng Nà Bến Trẽ	9.74		xã Cẩm Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
16	Khu đô thị phường Thanh Hà	12.5		phường Thanh Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)



17	Khu đô thị và dịch vụ thương mại phường Thanh Hà giai đoạn 1	18.4		phường Thanh Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
18	Khu đô thị và du lịch sinh thái bãi bồi, phường Thanh Hà	9.93		phường Thanh Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
19	Khu đô thị Vạn Phúc	4.65		phường Thanh Hà, thành phố Hội An	CV6373/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
VIII	Thị xã Điện Bàn	95			
20	Khu dân cư Cầu Hung	11.14		phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
21	Khu dân cư Hà Đê	3.96		phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
22	Khu dân cư Quảng Lăng giai đoạn 1	34		phường Điện Nam Trung, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
23	Khu dân cư Lạc Thành	14.5		xã Điện Hồng, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
24	Khu dân cư Trảng Chải	9.4		xã Điện Thắng Trung, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
25	Khu dân cư đô thị Tứ Ngân 1, giai đoạn 1	19		phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn	CV6820/UBND-KTN ngày 20/11/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)
26	Khu dân cư đô thị Cổ An 4	3		phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn	CV7542/UBND-KTN ngày 22/12/2020 tỉnh (dự án thuộc QĐ147)
IX	Quế Sơn	4.9			
27	Khu phố chợ Hương An mở rộng	4.9		thị trấn Hương An, huyện Quế Sơn	CV7542/UBND-KTN ngày 22/12/2020 tỉnh (thuộc QĐ147)

Danh mục dự ngoài Quyết định 147/QĐ-UBND đã được UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện (Kèm theo Báo cáo số...7.2.../BC-SXD ngày..04../4/2021)					
Stt	Tên dự án	Diện tích đất dự án (ha)	Diện tích đất ở bình quân (ha)	Địa điểm	Ghi chú
	Tổng cộng	1,625	285		
I	Huyện Thăng Bình	186.6			
1	Khu đô thị phía Bắc tuyến đường Cây Cốc-Bình Minh, xã Bình Minh	99		xã Bình Minh, huyện Thăng Bình	CV6374/UBND-KTN ngày 13/10/2020 tỉnh (dự án đề xuất mới)
2	Khu Nghỉ dưỡng Nam Hội An	87.56		xã Bình Dương, huyện Thăng Bình	CV7201/UBND-KTN ngày 08/12/2020 tỉnh (dự án đề xuất mới)
II	Huyện Duy Xuyên	237.97			
3	Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An	237.97		Xã Duy Hải, Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên	CV1101/UBND-KTN ngày 04/3/2021 tỉnh (dự án đề xuất mới)
III	Huyện Đại Lộc	16.8			
4	Khu dân cư Song Mỹ, thị trấn Ái Nghĩa	6.94		thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc	CV1869/VPUBND-KTN ngày 23/12/2020 tỉnh, TTr số 17/TTr-UBND ngày 18/2/2021 của huyện (dự án đề xuất mới)
5	Khu phố chợ Đại An	9.85		xã Đại An, huyện Đại Lộc	CV1869/VPUBND-KTN ngày 23/12/2020 tỉnh, TTr số 17/TTr-UBND ngày 18/2/2021 của huyện (dự án đề xuất mới)
IV	Thành phố Tam Kỳ	1,026			
6	Khu đô thị và cảnh quan hai bên đường Điện Biên Phủ, đoạn từ sông Kỳ Phú đến Quảng Trường biển Tam Thanh	746.19		An Phú, Tam Phú, thành phố Tam Kỳ	CV1101/UBND-KTN ngày 04/3/2021 tỉnh (dự án thuộc QĐ147 và mở rộng)
7	Khu đô thị sinh thái ven sông Tam Kỳ	280		Hoà Hương, Tam Phú, An Phú, thành phố Tam Kỳ	CV1101/UBND-KTN ngày 04/3/2021 tỉnh (thuộc QĐ147, gộp 03 dự án)
V	Thị xã Điện Bàn	92			

8	Khu dân cư mới Quang Phường	9.8		xã Điện Hoà, thị xã Điện Bàn	CV7542/UBND-KTN ngày 22/12/2020 tỉnh (dự án đề xuất mới)
9	Khu đô thị An Nam	9.9		phường Điện An và Điện Nam Trung, thị xã Điện Bàn	CV7677/UBND-KTN ngày 28/12/2020 tỉnh (dự án đề xuất mới)
10	Khu dân cư mới Phong Lục	18.6		xã Điện Thắng Nam, thị xã Điện Bàn	CV7756/UBND-KTN ngày 31/12/2020 tỉnh (dự án đề xuất mới)
11	Khu dân cư đô thị Bình Ninh Quảng Lãng	19.5		phường Điện Nam Trung, thị xã Điện Bàn	CV7756/UBND-KTN ngày 31/12/2020 tỉnh (dự án đề xuất mới)
12	Khu dân cư thương mại dịch vụ Phong Nhị mở rộng	9.04		phường Điện An, thị xã Điện Bàn	CV196/UBND-KTN ngày 12/01/2021 tỉnh (dự án đề xuất mới)
13	Khu dân cư số 1 mở rộng đô thị Điện Thắng	9.9		xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn	CV196/UBND-KTN ngày 12/01/2021 tỉnh (dự án đề xuất mới)
14	Khu đô thị Bắc Vĩnh Điện	15		phường Điện An, Điện Nam Trung, thị xã Điện Bàn	CV196/UBND-KTN ngày 12/01/2021 tỉnh (dự án đề xuất mới)
	Danh mục dự án tại khu vực miền núi, nông thôn cần thực hiện để phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị				
VI	Huyện Tây Giang	3.66			
15	Khu dân cư dọc đường DT606 tại Km14	3.66		xã Atieng, Tây Giang	CV190/UBND-KT ngày 09/3/2021 của UBND huyện Tây Giang
VII	Huyện Đông Giang	5			
16	Khu dân cư khu vực trung tâm đô thị sông Vàng	5		xã Ba, Đông Giang	CV164/UBND-TH ngày 02/02/2021 của huyện Đông Giang
VIII	Huyện Bắc Trà My	16.8			
17	Khu dân cư cánh Đồng Bàu	9.9		thị trấn Bắc Trà My	CV1150/UBND-KTN ngày 31/3/2021 của huyện Bắc Trà My
18	Khu dân cư Bắc sông Trường	6.9		thị trấn Bắc Trà My	CV1150/UBND-KTN ngày 31/3/2021 của huyện Bắc Trà My
IX	Huyện Nam Trà My	12.0			
19	Khu dân cư thôn 4 xã Trà Tập, huyện Nam Trà My	9.0		xã Trà Tập	CV12/UBND-KTHT ngày 25/3/2021 của huyện Nam Trà My
20	Khu dân cư kiểu mẫu dọc sông Tranh tuyến tránh Tắc Pô	2.0		xã Trà Mai	CV12/UBND-KTHT ngày 25/3/2021 của huyện Nam Trà My

21	Khu dân cư tập trung tại ngã ba Tắc Nầm thôn 1 Trà Mai	1.0		xã Trà Mai	CV12/UBND-KTHT ngày 25/3/2021 của huyện Nam Trà My
X	Thị xã Điện Bàn	28.38			
22	Khu dân cư Minh Phương	18.9		xã Điện Minh, Điện Phương	Tờ trình 82/TTr-UBND ngày 30/3/2021 của Điện Bàn (phát triển hạ tầng để lên đô thị loại III)
23	Khu dân cư Bồng Lai	9.48		xã Điện Minh	Tờ trình 82/TTr-UBND ngày 30/3/2021 của Điện Bàn (phát triển hạ tầng để lên đô thị loại III)



